

Bản án số: 173/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Bà **LÊ THỊ LAN**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 531/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **HUỲNH THỊ T**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh **LÊ BÌNH TR**, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 06/7/2018 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:

Do quen biết nên chị và anh Tr tiến đến kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong vấn đề tài chính, anh Tr cư xử không tốt với gia đình chị và thường xuyên chửi mắng chị. Vào tháng 3/2018, chị có nộp đơn ly hôn với anh Tr nhưng sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nên Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định đình chỉ số 73 ngày 02/4/2018. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể nào hàn gắn được mặc dù vẫn còn sống chung nhà. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Tr.

Con chung có một cháu tên Lê Huỳnh Trọng Th, sinh ngày 08/01/2016, hiện đang sống với anh chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu Th, yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 24/7/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Bình Tr trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những bất đồng trong quan hệ giao tiếp hàng ngày. Nay anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, thương con. Nếu giả sử Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Th cho chị T nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Lê Bình Tr có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr.

Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa, chị T trình bày do quen biết nên chị và anh Tr xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng trong vấn đề tài chính của gia đình, anh Tr thường chửi mắng chị và cư xử không đúng với gia đình chị làm đời sống vợ chồng mất tình cảm, không còn hạnh phúc. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Tr. Xét thấy, cho chị T được ly hôn anh Tr là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi phát sinh mâu thuẫn tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm. Đồng thời, vào thời điểm tháng 3/2018 chị T có nộp đơn ly hôn với anh Tr và sau khi hòa giải chị đã rút đơn để tạo cơ hội cho anh chị có điều kiện hàn gắn, sắp xếp mâu thuẫn gia đình nhưng vợ chồng vẫn không thể nào sum họp, dung hoà được cuộc sống chung. Thêm vào đó, căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mặc dù anh Tr không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được giải pháp nào thuyết phục chị T để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Có một cháu tên Lê Huỳnh Trọng Th, sinh ngày 08/01/2016, hiện đang sống với anh chị. Xét thấy, giao cháu Th cho chị T nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, cháu Th là con chung dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi là phù hợp. Đồng thời, căn cứ vào ý kiến của anh Tr có trong hồ sơ vụ án thì anh cũng đồng ý giao cháu Th cho chị T nuôi nếu vợ chồng ly hôn. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao cháu Th cho chị T nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị T có yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi và anh Tr cũng đồng ý với

mức cấp dưỡng này dựa vào lời trình bày của anh có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và anh Tr phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị T. Cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn anh Lê Bình Tr.

Về con chung: Giao cháu Lê Huỳnh Trọng Th, sinh ngày 08/01/2016 cho chị T nuôi.

Ghi nhận việc anh Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ/tháng/cháu. Thời gian thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Bình Tr chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau khi ly hôn, anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 08974 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Anh Lê Bình Trọng phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

